

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Mau và ông Trần Văn Ất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1967 - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1966 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà và ông Trương Văn M sống chung với nhau từ năm 1990 đến nay. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến thời điểm hiện tại bà và ông M chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian gần đây ông M thường xuyên uống rượu về rồi gây gổ, đánh đập, chửi bới thậm chí rượt đuổi bà ra khỏi nhà. Tình trạng như vậy kéo dài làm cho bà mệt mỏi và không muốn tiếp tục chung sống với ông M nữa. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án chấm dứt quan hệ vợ chồng bằng việc không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Bà Kim A không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn M trình bày:

Ông M xác nhận việc ông và bà Kim A chung sống với nhau như vợ chồng

từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Bản thân ông nhận thức được việc nam nữ chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật và không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, hơn nữa cuộc sống chung hiện tại giữa ông và bà Kim A mâu thuẫn rất trầm trọng, không còn thương yêu, chăm sóc gì nhau. Do vậy bà Kim A khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng, ông không có ý kiến gì, ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà Kim A là vợ chồng.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Ông M không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A, tuyên không công nhận bà Nguyễn Thị Kim A và ông Trương Văn M là vợ chồng. Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Trương Văn M chung sống với nhau từ năm 1990 và có chung với nhau hai người con, hiện các con đã trưởng thành. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại bà Kim A và ông M chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy việc bà Kim A và ông M chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu khởi kiện của bà Kim A có căn cứ chấp nhận, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim A và ông M.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống

với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

[3] Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Trương Văn M.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Kim A phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001783 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã G;
- UBND phường N, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm